ÔN THI SIÊU HÌNH

Câu 1 : Siêu hình học là việc nghiên cứu về ...

a- Căn nguyên tối hậu.

b- Những nguyên lý đầu tiên và phổ quát nhất.

c- Cả a và b đều đúng.

d- Cả a và b đều sai.

Câu 2 : Siêu Hình Học phải là 1 khoa học về Thiên Chúa, là khoa thần học không hơn không kém, quan niệm này bắt đầu từ:

a- Thời thượng cổ với Aristote

b- Thời trung cổ và kinh viện

c- Thời cận đại với Descartes

d- Thế kỷ 18 với Locke và Condillac

Câu 3 : Siêu Hình Học là khoa học về:

a- Các thực tại không thể cảm nhận bằng giác quan

b- Các hữu thể vật chất

c- Bản chất của sự vật

d- a và c đều đúng

Câu 4 : Môn Siêu Hình Học (hữu thể học) được Aristote gọi là....

a- Khoa học thần linh.

b- Triết học đệ nhất.

c- Cả a và b đều sai.

d- Cả a và b đều đúng.

Câu 5 : Quan tâm chính của Aristote về Siêu Hình Học là:

a- Khái niệm chất thể và mô thể

b- **Khái niệm hữu thể và nguyên nhân đệ nhất**

c- Khái niệm yếu tính và hiện hữu

d- Cái hữu thể vô hình

Câu 6 : Aristote định nghĩa Siêu Hình Học là ....

a- Khoa học về con người.

b- Khoa học về hữu thể.

c- Khoa học về vũ trụ.

d- Khoa học về Thượng đế

Câu 7 : Đối tượng chất thể (chất liệu) của SHH là ...

a- Hữu thể xét như hữu thể.

b- Hữu thể đệ nhất.

c- Thực tại trong toàn thể tính của nó.

d- Chính Thiên Chúa.

Câu 8 : Đối tượng mô thể (hình thế) của SHH là ....

a- Chất liệu đệ nhất.

b- Hữu thể xét như hữu thể.

c- Hữu thể đệ nhất.

d- Chính Thiên Chúa

Câu 9 : Phương pháp của SHH là ....

a- Phương pháp thực hiện.

b- Phương pháp vừa dựa trên kinh nghiệm vừa dựa trên lý trí.

c- Phương pháp quy nạp từ thí nghiệm.

d- Phương pháp diễn dịch tiên nghiệm.

Câu 10 : Đối tượng của SHH là ....

a- Hiện hữu.

b- Yếu tính.

c- Hữu thể.

d- Cả a, b và c đều đúng.

Câu 11- SHH có mấy phần chính?

a- Ba (hữu thể – siêu nghiệm – căn nguyên)

b- Một

c- Hai

d- Bốn

Câu 12- Tính phổ quát của hữu thể được triết học kinh viện gọi là...

a- Tính siêu nghiệm

b- Tính thường nghiệm

c- Tính thực nghiệm

d- Cả ba đều sai

Câu 13- SHH đặc thù nói về...

a- Cả ba đều đúng

b- Thượng đế học

c- Vũ trụ học

d- Nhân loại học

Câu 14- SHH tổng quát là...

- **a- Khoa học về hữu thể xét như hữu thể**
- b- Khoa học về bản chất của hữu thể
- c- Khoa học xét về nguyên lý đệ nhất của hữu thể
- d- Khoa học xét về nguyên nhân và nguyên lý của sự vật

Câu 15- Ngày nay định nghĩa nào của SHH có tính hiện đại hơn cả?

- **a- SHH là khoa học về những nguyên lý và nguyên nhân đệ nhất**
- b- Triết học có liên quan đến những vấn đề ý nghĩa cuộc sống
- c- SHH là khoa học về hữu thể
- d- SHH là nhận thức về các sự vật tự thân

Câu 16- Vấn đề thuộc phạm vi siêu hình là...

- **a- Cả ba đều đúng**
- b- Tất cả những vấn đề vượt quá kinh nghiệm khả giác nhưng hợp lý với trí khôn
- c- Tất cả những vấn đề vượt quá trí khôn
- d- Tất cả những vấn đề vượt quá kinh nghiệm khả giác

Câu 17- SHH ở các thế kỷ trước nhằm...

- **a- Giải thích hiện tượng thần linh**
- b- Giải thích toàn bộ thực tại
- c- Giải thích về nguyên lý đệ nhất
- d- Giải thích về vũ trụ

Câu 18- SHH đạt tới tối thượng trong triết học vì là...

- **a- Cả ba đều đúng**
- b- Đệ nhất động cơ trong triết học Aristote
- c- Hữu thể vô cùng, nguyên nhân của tất cả mọi hữu thể
- d- SHH đáng được gọi là khoa học thần thánh

Câu 19- SHH khởi đầu từ.... để tiến tới nền tảng sâu xa của thực tại.

- **a- Những nguyên lý**
- b- Những vật khả giác
- c- Những dữ kiện của kinh nghiệm
- d- Những ý tưởng bẩm sinh

HỮU THỂ

Câu 20 : Hữu thể là ....

a- Cái hiện hữu.
b- Các thụ tạo.
c- Bản thể thụ tạo.
d- Bản thể thuần thiêng.

Câu 21 : Hữu thể là một khái niệm....

a- Hết sức phổ quát.
b- Đối tượng tương ứng của lý trí.
c- Bao trùm mọi thực tại.
d- Tất cả đều đúng.

Câu 22 : Hữu thể được Aristote gọi là Triết học đệ nhất vì....

a- Nó tìm hiểu về hữu thể cao nhất là Thượng đế.
b- Nó tìm hiểu về giá trị nhận thức của lý trí.
c- Nó tìm hiểu về bản chất của sự vật.
d- Nó tìm hiểu những nguyên lý và nguyên nhân đệ nhất.

Câu 23 : Theo thánh Tôma, hữu thể là đối tượng thứ nhất của:

a- Trí khôn
b- Tư duy
c- Khôn ngoan
d- Cả ba đúng

Câu 24- Hữu thể được gọi là chân thật khi...

a- Hữu thể đó phù hợp với trí năng sáng tạo khả tri.
b- Hữu thể đó phù hợp với hiện hữu.
c- Hữu thể đó bất biến.
d- Tất cả đều đúng.

Câu 25- Hữu thể là cái gì đó hiện có trong...

a- Thực tế
b- Tư tưởng
c- Cả hai đều đúng
d- Cả hai đều sai

Câu 26- Hữu thể gồm...

a- Hiện hữu (hiện thế) và bản chất (yếu tính)
b- Bản thể và yếu tính
c- Bản chất và yếu tính
d- Cả ba đều sai

Câu 27- Ý niệm phổ quát của hữu thể là ý niệm...

a- Thượng đẳng c- Trung đẳng

b- Hạ đẳng d- Cả ba đều đúng

Câu 28- Tính phổ quát của hữu thể được triết học kinh viện gọi là...

a- Tính siêu nghiệm c- Tính thực nghiệm

b- Tính thường nghiệm d- Cả ba đều sai

Câu 29- Đối tượng của hữu thể học theo Aristote là...

a- Cái bao quát nhất, căn bản nhất

b- Mọi vật khả giác

c- Bản chất của mọi hiện hữu

d- Mọi vật chất khả giác

Câu 30- Các hữu thể khác nhau thì...

a- Chiếm hiện hữu không bằng nhau

b- Chiếm hiện hữu bằng nhau

c- Không có hiện hữu

d- Câu b và c đúng

Câu 31- Hữu thể có thể là...

a- Hợp thể, đồng nhất, hay duy nhất

b- Đơn nhất, hợp nhất, hay hợp thuần

c- Đồng nhất, đơn thuần, hay hợp nhất

d- Đơn nhất, hợp nhất, hay hợp thể

Câu 32 : Câu định nghĩa nào đúng?

a- Hữu thể là cái có thật

b- Hữu thể là cái hiện hữu

c- Hữu thể là cái thích hợp để hiện hữu

d- Tất cả đều đúng

Câu 33 : Câu định nghĩa nào đúng?

a- Hữu thể là chủ thể có tác động hiện hữu

b- Hữu thể là những vật nhìn thấy được

c- Hữu thể là cái thích hợp để hiện hữu

d- Tất cả đều đúng

Câu 34 : Thuộc từ "hữu thể" được dùng cho nhiều chủ thể khác nhau theo cách:

a- Đồng nghĩa
b- Dị nghĩa
c- Loại suy
d- Tất cả đều đúng

Câu 35 : Tên gọi Hữu Thể Học (Ontologica) là do ai đặt?

a- Aristote
b- Thánh Tôma
c- Andronicus Rhodes
d- Christian Wolff

Câu 36 : Tên gọi Metaphysica (Sau phần vật lý) là do ai đặt?

a- Aristote
b- Thánh Tôma
c- Andronicus Rhodes
d- Christian Wolff

TRỪU XUẤT

Câu 37- Có mấy cấp độ trừu xuất....

a- Một
b- Hai.
c- Ba.
d- Bốn.

Câu 38 : Trừu xuất vật lý là....

a- Chỉ giữ lại lượng.
b- Chỉ giữ lại phẩm.
c- Chỉ giữ lại vật chất khả giác.
d- Chỉ giữ lại hữu thể.

Câu 39 : Trừu xuất toán học là ...

a- Chỉ giữ lại phẩm tính khả giác.
b- Chỉ giữ lại lượng tính khả giác.
c- Loại ra khỏi lượng tính khả giác.
d- Chỉ giữ lại hữu thể.

Câu 40 : Trừu xuất siêu hình là....

a- Giữ lại phẩm.
b- Giữ lại lượng.
c- Giữ lại hữu thể.
d- Giữ lại tương quan.

Câu 41- Khi diễn tả bằng lời nói những gì hiểu về sự vật thì ta đã...

a- Trừu xuất
b- Loại suy
c- Cá vật hóa
d- Thành tổng quát

HƯ VÔ

Câu 42 : Hư vô là một...

a- Định nghĩa.
b- Khái niệm.
c- Quan niệm.
d- Giải thích.

Câu 43 : Khái niệm hư vô là một ....

a- Hữu thể thực tại.
b- Hữu thể thuộc trí.
c- Cả a và b đúng.
d- Cả a và b sai.

Câu 44 : Hư vô gồm có ....

a- Hư vô tuyệt đối và tương đối.
b- Hư vô hoàn toàn và thành phần.
c- Hư vô tổng quát và đặc thù.
d- Hư vô trừu tượng và thực tại.

Câu 45 : Chúng ta chỉ có thể .... về hư vô.

a- Định nghĩa.
b- Xác định.
c- biết và nhận ra.
d- Quan niệm

PHẠM TRÙ

Câu 46 : Phạm trù là .....

a- Bản thể của hữu thể.
b- Cách thức hiện hữu của hữu thể.
c- Yếu tính của hữu thể.
d- Bản tính của hữu thể.

Câu 47 : Phạm trù được phân chia thành mấy loại ?

a- Sáu.
b- Tám.
c- Chín.
d- Mười.

Câu 48- Aristote phân biệt có:

a- 9 phạm trù và một bản thể
b- 10 phạm trù và 9 bản thể
c- 9 phạm trù bản thể và 10 phụ thể
d- 9 phạm trù bản thể và 1 phụ thể

TƯƠNG QUAN

Câu 49- Tương quan là ....

a- Cái mà bởi đó vật này khác vật kia.

b- Cái mà bởi đó vật này giống vật kia.

c- Cái mà bởi đó vật này có liên lạc với vật kia.

d- Cái mà bởi đó vật này đối lập với vật kia.

Câu 50- Tương quan giữa Thiên Chúa và thụ tạo là tương quan...

a- Hiện thực. **c- Bất hỗ tương.**

b- Hỗ tương. d- Siêu việt.

Câu 51- Tương quan giữa hữu thể với hư vô là tương quan ....

a- Hiện thực. b- Phạm trù. **c- Luận lý.** d- Hỗ tương.

Câu 52- Tương quan giữa phụ thể và bản thể là tương quan ....

a- Phạm trù. **b- Siêu việt.** c- Luận lý. d- Hỗ tương.

Câu 53- Một tương quan gồm các yếu tố...

a- Chủ thể, bản thể, mô thể

b- Đối thể, chủ thể, tương quan

c- Chủ thể, đối thể, nguyên nhân

d- Mô thể, bản thể, tùy thể

Câu 54- Tương quan có 3 loại:

a- Hỗ tương, bất hỗ tương

b- Siêu việt, phạm trù, hỗ tương

c- Hiện thực, hỗ tương, siêu việt

d- Hiện thực, hỗ tương, nhân quả

YẾU TÍNH

Câu 55 : Yếu tính là ...

a- Mô thể của các vật hữu chất.

b- Cái làm cho một vật là chính nó. (Cách thức hiện hữu của sự vật)

c- Cái làm cho một vật xuất hiện trong thực tại.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 56 : Xét như nguyên lý của các hành động, yếu tính được gọi là:

a- Chất thể b- Phụ thể **c- Bản tính** d- Bản thể

Câu 57 : (Hai yếu tố cấu tạo nên) yếu tính của các hữu thể vật chất là ...

a- Bản thể và phụ thể.

b- Tiềm thế và hiện thế.

c- Chất thể và mô thể. (Chất liệu và hình thế)

d- Hiện hữu và hiện thế.

Câu 58 : Hai nguyên lý cấu tạo nên mọi thực tại trong thế giới thụ tạo là:

a- Chất liệu và hình thế

b- Linh hồn và thân xác

c- Yếu tính và hiện hữu

d- Tất cả đều sai

Câu 59 : Yếu tính là một chủ thể

a- Hướng đến hiện hữu.

b- Phát xuất hành động.

c- Làm nền tảng cho hữu thể.

d- Chịu trách nhiệm về hành động.

Câu 60 : Yếu tính của vật thuần thiêng thì

a- Có chất liệu.

b- Không có chất liệu.

c- Có phụ thể.

d- Hữu thể.

Câu 61: (Theo triết học Kinh viện) Yếu tính so với (và) hiện hữu..

a- yếu tính có trước.

b- Hiện hữu có trước.

c- Cả hai cùng lúc và không thể tách rời nhau.

d- Tất cả đều sai.

Câu 62 : Nơi thiên thần.....

a- Yếu tính đồng nhất với hiện hữu.

b- Yếu tính đồng nhất với mô thể (hình thế) của mình.

c- Yếu tính đồng nhất với chất thể của mình.

d- Yếu tính đồng nhất với hiện thế.

Câu 63 : Yếu tính của thiên thần thì:

a- Không pha trộn giữa chất thể và mô thể

b- Thuần thiêng

c- Câu a và b đúng

d- Phức hợp giữa chất thể và mô thể

Câu 64 : Mọi thụ tạo đều có giới hạn, điều này cho ta thấy .....

a- Yếu tính nó bao gồm tiềm thế và hiện thế.

b- Yếu tính của nó không đồng hóa với hiện hữu.

c- Bản thể của nó đồng hóa với phụ thể.

d- a và b đúng.

Câu 65 : Yếu tính là chủ thể đón nhận....

a- Bản tính. b- Bản chất. **c- Hiện hữu.** d- Phổ niệm.

Câu 66 : Yếu tính của hiện hữu là:

a- Loại suy quy thuộc là loại suy

b- Có bản chất, có yếu tính

c- Không có yếu tính

d- Cả ba đều sai

Câu 67 : Yếu tính xét như một phổ niệm, cũng là:

a- Bản thể phạm trù

b- Bản thể đệ nhất

c- Bản thể đệ nhị

d- Bản thể ngoài phạm trù

HIỆN HỮU

Câu 68 : Hiện hữu là.....

a- Yếu tố làm cho một vật trở thành chính nó.

b- yếu tố định loại cho sự vật.

c- Cái làm cho một vật xuất hiện trong thực tại.

d- Một hữu thể thuộc trí.

Câu 69 : Hiện hữu là ....

a- Nền tảng cho sự tăng bội của các hữu thể cùng loại.

b- Nền tảng cho sự hoàn bị của mọi hữu thể.

c- nền tảng cho việc xếp hữu thể vào một loại.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 70 : Hiện hữu là...

a- Cái làm cho một vật trở thành chính nó

b- Cái làm cho một vật xuất hiện trong thực tại

c- Hoàn bị căn bản của mọi hữu thể

d- Câu b và c đúng

Câu 71 : Tự nó, hiện hữu ......

a- Là giới hạn.

b- Không giới hạn, nhưng chỉ bị giới hạn bởi yếu tính đón nhận nó.

c- Không giới hạn, nhưng chỉ bị giới hạn bởi hiện thế của nó.

d- b và c đều đúng.

Câu 72 : Nơi Thiên Chúa ....

a- Hiện hữu là hiện hữu tuyệt đối.

b- Hiện hữu trao ban.

c- Yếu tính đồng hóa với hiện hữu.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 73 : Thiên Chúa là:

a- Hiện hữu tuyệt đối

b- Hiện thế thuần túy

c- Tiềm thế thuần túy

d- Câu a và b đúng

Câu 74 : Các thụ tạo thì:

a- Chiếm hiện hữu trong tất cả sự viên mãn của nó

b- Chiếm một phần hiện hữu

c- Không có hiện hữu

d- Có hiện hữu do yếu tính của mình

Câu 75 : Các thụ tạo, hiện hữu và yếu tính thì:

a- Phân biệt nhau thật sự

b- Cả hai làm nên hữu thể

c- Không phân biệt nhau

d- Câu a và b đúng

Câu 76 : Hiện hữu của các thiên thần là ....

a- Hiện hữu đón nhận.

b- Hiện hữu giới hạn.

c- Hiện hữu tuyệt đối.

d- a và b đúng.

Câu 77 : Nơi con người....

a- Hiện hữu không đồng nhất với yếu tính.

b- Hiện hữu được đón nhận vào yếu tính người.

c- Hiện hữu bị giới hạn bởi yếu tính người

d- Tất cả đều đúng.

Câu 78 : Hiện hữu 2 loại ....

a- Thuần túy và bất định.

b- Thuần túy và tổng quát.

c- Bất định và không thuần túy.

d- Thuần túy và không thuần túy.

Câu 79 : Chúng ta nắm bắt được sự vật qua...

a- Yếu tính. b- Chất thể. c- Mô thể. **d- Hiện hữu.**

Câu 80 : Hiện hữu là nguyên lý làm cho .....

a- Các hữu thể tách biệt. c- Các hữu thể khác nhau.

b- Các hữu thể giống nhau. d- Các hữu thể nên một.

Câu 81 : Thiên Chúa và con người (Mọi vật) giống nhau về (vì)...

a- Bản tính. **c- (Cùng hướng về) Hiện hữu.**

b- Bản chất. d- Phổ niệm.

Câu 82 : Hiện hữu là ....

a- Yếu tố chung cho mọi hữu thể, và có mức độ bằng nhau.

b- Yếu tố chung cho mọi hữu thể, và có mức độ khác nhau.

c- Yếu tố xác định cách thức hiện hữu của một hữu thể

d- Câu b và c đúng.

Câu 83 : Hiện hữu là...

a- Những yếu tố thuộc bản chất hay yếu tính của sự vật

b- Những gì ta thấy được

c- Những hình thái hiện hữu nhất định những loại hữu thể nào đó

d- Những yếu tố thuộc bản chất hay yếu tính của sự vật

Câu 84 : Câu nói "tôi suy tư nên tôi hiện hữu", được hiểu là...

a- Nhờ chủ thể là tôi, suy tư có giá trị

b- Nhờ chủ thể là tôi, hiện hữu được nhận thức

c- Nhờ có suy tư, tôi biết tôi hiện hữu

d- Nhờ có hiện hữu, tôi biết tôi suy tư

Câu 85 : Tự bản chất, hiện hữu (Esse):

a- Là một hiện thế nảy sinh từ yếu tính các sự vật

b- Không phải là một hiện thế nảy sinh từ yếu tính các sự vật

c- Là điều khiến cho các sự vật hiện hữu

d- Câu b và c đúng

Câu 86 : Theo thánh Tôma, hiện hữu (Esse) là:

a- Hoàn bị nhất trong tất cả các hoàn bị

b- Hiện thế vượt lên trên mọi hiện thế

c- Hoàn bị vượt lên trên mọi hoàn bị

d- Tất cả đều đúng

BẢN THỂ

Câu 87 : Bản thể là ....

a- Chủ thể tự hữu.

b- Chủ thể lập hữu.

c- Hoàn toàn hiện hữu.

d- a và c đúng

Câu 88 : Bản thể là...

a- Chủ thể dựa vào phụ thể

b- Thể nền cáng đáng các phụ thể

c- Chủ thể không tồn tại

d- Câu a và c đúng

Câu 89 : Bản thể là...

a- Nguồn phát xuất mọi hành động

b- Thể nền cáng đáng các phụ thể

c- Chủ thể tự thân hiện hữu

d- Câu b và c đúng

Câu 90 : Nơi con người ....

a- Linh hồn là một bản thể bất toàn.

b- Linh hồn là một phụ thể bất toàn.

c- Linh hồn là bản tính bất toàn.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 91 : Bản thể thiêng liêng là...

a- Bản thể hiện hữu không lệ thuộc vào chất thể.

b- Bản thể không được cấu tạo bởi chất thể và mô thể.

c- Bản thể đơn.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 92 : Bản thể hữu hình (vật chất) là.....

a- Bản thể không hiện hữu độc lập với mô thể.

b- Bản thể được cấu tạo bởi nguyên lý hiện thếvà tiềm thế.

c- Bản thể kép.

d- Tất cả đều sai.

Câu 93 : Bản thể của Thiên Chúa là...

a- Bản thể phạm trù

b- Bản thể ngoài phạm trù

c- Bản thể bất toàn

d- Bản thể đệ nhị

Câu 94 : Bản thể đệ nhất là .....

a- Tính tổng quát của một loài.

b- Cá vị cụ thể.

c- Yếu tính của chủ thể.

d- Tính riêng biệt của một giống.

Câu 95 : (Theo Aristote) Bản thể đệ nhị chỉ ....

a- Phụ thể của bản thể.

b- Tính đặc thù của một chủ thể.

c- Tiềm thế của chất thể.

d- Tất cả đều sai.

Câu 96 : Nơi con người, bản thể được gọi là .....

a- Bản tính.

b- Bản vị.

c- Ngôi vị.

d- Tất cả đề đúng.

Câu 97 : Bản thể và phụ thể...

a- Không phân biệt nhau

b- Có phụ thể phân biệt, có phụ thể không phân biệt khỏi bản thể

c- Thực sự phân biệt nhau

d- Có thể hiện hữu tách rời

Câu 98 : Theo Aristote, bản thể đệ nhất (hay sơ yếu) là...

a- Bản thể cá biệt tồn tại trong thực tế

b- Không tồn tại trong thực tế

c- Bản thể phổ quát

d- Bản thể của những hữu thể cấp thấp

Câu 99 : Trong bí tích Thánh Thể, sau lời truyền phép:

a- Có biến đổi bản tính

b- Có biến đổi bản thể

c- Có biến đổi phụ thể

d- Không biến đổi gì hết

PHỤ THỂ

Câu 100 : Phụ thể là...

a- Cái xuất hiện của bản thể

b- Cái xuất hiện bên ngoài nơi các vật hữu hình

c- Cái làm nền tảng hiện hữu cho bản thể

d- Câu a và b đúng

Câu 101 : Phụ thể .....

a- Có thể tự mình tồn tại.

b- Không thể tự mình tồn tại. **(+ tồn tại nhờ bản thể)**

c- Là hữu thể thuộc trí.

d- Tất cả đều sai.

Câu 102 : Phụ thể (tùy thể) là:

a- Hiện thế của bản thể

b- Lệ thuộc vào bản thể

c- Kiện toàn bản thể

d- Tất cả đều đúng.

Câu 103 : So với bản thể

a- Phụ thể là cái xuất hiện (hiện thế) của bản thể.

b- Phụ thể là cái làm nền tảng cho bản thể.

c- Phụ thể gắn liền với hiện hữu.

d- a và b đều đúng.

Câu 104: Giác quan (Tri thức) con người chỉ nhận biết (trực tiếp) ...

a- Bản thể của sự vật.

b- Phụ thể của sự vật.

c- Cả bản thể lẫn phụ thể.

d- Tất cả đều sai.

Câu 105 : Những phụ thể ảnh hưởng nội tại đến bản thể là:

a- Tương quan, hành động, nơi chốn

b- Lượng, phẩm chất, thời gian

c- Thời gian, không gian, phẩm chất

d- Phẩm chất, vị thế, chiếm hữu

Câu 106 : Theo triết học Kinh viện, phụ thể:

a- Đồng hóa với bản thể

b- Nâng đỡ bản thể

c- Che giấu bản thể

d- Phô bày bản thể

Câu 107 : Màu trắng, chiều cao, kiến thức...của con người đều là...

a- Những bản thể

b- Những phụ thể

c- Vừa là bản thể, vừa là phụ thể

d- Không là gì hết

Câu 108 : Hai phụ thể có trong lãnh vực thiêng liêng là...

a- Lượng và hành động

b- Phẩm chất và tương quan

c- Tương quan và chiếm hữu

d- Phẩm chất và hành động

Câu 109 : Thói quen hay tập tính thuộc loại phụ thể...

a- Phẩm chất

b- Chiếm hữu

c- Hành động

d- Tương quan

Câu 110: Nơi chốn, vị thế, chiếm hữu, thời gian, là những phụ thể...

a- Nội tại và ảnh hưởng thực sự lên bản thể

b- Nội tại và không ảnh hưởng lên bản thể

c- Ngoại lai và không ảnh hưởng thực sự lên bản thể

d- Ngoại lai và ảnh hưởng thực sự lên bản thể

BẢN TÍNH (CHẤT)

Câu 111- Nơi Đức Kitô .....

a- Có hai ngôi vị.
b- Có hai bản tính.
c- Có hai bản thể.
d- Tất cả đều đúng.

Câu 112 : Bản tính là

a- Nguồn phát xuất hành động.
b- Chủ thể chịu đón nhận trách nhiệm về hành động.
c- Cái làm cho hữu thể xuất hiện trong thực tại.
d- Cái làm nền tảng cho các phụ thể.

Câu 113: "Con người là một động vật có lý trí." Câu nói này diễn tả:

a- Bản chất của con người
b- Bản thể của con người
c- Chất thể của con người
d- Hiện hữu của con người

Câu 114 : Bản chất là nguyên lý làm cho:

a- Các hữu thể trở nên khác nhau
b- Các hữu thể trở nên giống nhau
c- Các hữu thể trở nên bản thể
d- Các hữu thể trở nên cùng loài

Câu 115 : Bản chất và hiện hữu là 2 nguyên lý:

a- Cấu tạo của hữu thể
b- Cấu tạo của mô thể
c- Cấu tạo của bản thể
d- Cấu tạo của chất thể

Câu 116 : So với các phụ thể thì bản thể là:

a- Bản tính. b- Bản chất. c- Tiềm năng d- Hiện thế

Câu 117 : Bản tính con người là:

a- Tốt lành
b- Xấu
c- Hướng về điều lành
d- Tất cả đều sai.

NGÔI VỊ

Câu 118: Theo Tôma, Ngôi vị là một hữu thể hoàn hảo nhất trong vũ trụ vì :

a- Một bản thể có trí khôn.
b- Một bản thể cụ thể.
c- Một bản thể toàn vẹn, lập hữu.
d- Tất cả đều đúng.

Câu 119 : Đặc điểm của Ngôi vị là ....

a- Tự do và trách nhiệm.

b- Tính thân hữu.

c- Hướng mọi hoạt động về Thiên Chúa.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 120 : Ngôi vị khác cá thể ở chỗ ....

a- Hiện hữu. b- Yếu tính. **c- Lý tính.** d- Đơn nhất.

Câu 121 : Ngôi vị có các đặc tính:

a- Tính tự nhiên, tính cá vị, sự hiện diện phổ quát

b- Cá tính, lý tính, sự hiện diện phổ quát

c- Cá tính, tính tự nhiên, sự hiện diện phổ quát

d- Cá tính, lý tính, sự hiện hữu riêng

CHẤT THỂ (chất liệu) và MÔ THỂ (hình thế)

Câu 122 : Hai yếu tố tạo nên yếu tính của các hữu thể vật chất là ...

a- Bản thể và phụ thể.

b- Tiềm thể và hiện thế.

c- Chất thể và mô thể.

d- Hiện hữu và hiện thế.

Câu 123 : Vật thể có hai nguyên lý nội cấu thành là ...

a- Hiện hữu và bản chất.

b- Hiện thế và chất thể.

c- Chất thể và mô thể.

d- Hiện hữu và tiềm năng

Câu 124: Nguyên lý giải thích các vật thể cùng loài nhưng khác nhau là...

a- Chất thể và mô thể.

b- Mô thể và tiềm thể.

c- Bản thể và mô thể.

d- Hiện thế và tiềm thế.

Câu 125 : Hình thế (mô thể) là:

a- Nguyên lý hiện hữu cho một sự vật

b- Nguyên lý tác thành cho một sự vật

c- Nguyên lý cá vật hóa cho một sự vật

d- Tất cả đều đúng

Câu 126 : So với mô thể thì chất thể là ..

a- Tiềm thế. b- Hiện thế. c- Hiện hữu. d- Bản thể.

Câu 127 : Theo triết học Kinh viện, nơi các hữu thể vật chất thì

a- Mô thể quan trọng hơn chất thể.

b- Chất thể thì quan trọng hơn mô thể.

c- Cả hai quan trọng như nhau.

d- Cả hai là tiềm thể.

Câu 128 : Điều gì làm cho vật có tính hoạt động?

a- Bản thể. b- Chất thể. **c- Mô thể.** d- Tiềm thể.

Câu 129 : Con người và vật chất khác nhau ở

a- Chất liệu đệ nhất.

b- Mô thể bản thể.

c- Chất thể đệ nhị.

d- Tất cả đều sai.

Câu 130 : Nơi con người, linh hồn là

a- Chất thể đệ nhất.

b- Chất thể đệ nhị.

c- Mô thể phụ thể.

d- Mô thể bản thể.

Câu 131 : Một vật không còn là nó nữa khi

a- Chất thể bản thể không còn.

b- Mô thể bản thể không còn.

c- Chất thể đệ nhất không còn.

d- Chất thể đệ nhị không còn.

Câu 132 : Mô thể làm cho

a- Các vật cùng loài.

b- Các vật cùng hiện hữu.

c- Vật này khác vật kia trong cùng loài.

d- Tất cả đều sai.

Câu 133 : Mô thể hữu thể là nguyên lý qui định

a- Chất thể

b- Hiện hữu

c- Yếu tính.

d- Câu a và b đúng

Câu 134 : Mô thể bản thể (hữu thể) là nguyên lý qui định

a- Hiện hữu. **b- Yếu tính.** c- Chất thể. d- Phụ thể.

Câu 135 : Hình thế ảnh hưởng lên chất liệu để làm nên một bản thể. Hình thế đó được gọi là:

a- Hình thế đệ nhất

b- Hình thế đệ nhị

c- Hình thế bản thể

d- Hình thế phụ thể

Câu 136: Hình thế bản thể được đón nhận vào chất liệu để làm nên:

a- Bản thể đệ nhị
b- Tiềm thế
c- Phụ thể
d- Bản thể

Câu 137 : Hình thế và chất liệu:

a- Không thể hiện hữu riêng biệt
b- Cả hai làm nên yếu tính các hữu thể hữu hình
c- Có thể hiện hữu riêng biệt
d- Câu a và b đúng

Câu 138 : Hình thế bản thể xét như nguyên lý xác định yếu tính, là yếu tố:

a- Giới hạn tiềm năng hoạt động
b- Giới hạn chất liệu đệ nhất
c- Giới hạn chất liệu
d- Giới hạn việc hiện hữu

Câu 139: Là khả năng thuần túy để đón nhận mô thể như hiện thế của nó, nên chất liệu:

a- Là tiềm năng
b- Tự nó là bất định
c- Được định hình bởi mô thể
d- Tất cả đều đúng

Câu 140 : Chất thể là...

a- Nguyên lý cá vị hóa
b- Tiềm thế
c- Nguyên nhân nội khởi
d- Tất cả đều đúng

Câu 141 : Nơi thiên thần thì

a- Yếu tính đồng nhất với hiện hữu.
b- Không có chất thể.
c- Không phải là bản thể lập hữu.
d- Tất cả đều đúng.

Câu 142 : Điều gì làm cho một vật có tính thụ động?

a- Bản thể. **b- Chất thể.** c- Mô thể. d- Tiềm thể.

Câu 143 : Chất thể làm cho

a- Các vật cùng loài.
b- Các vật cùng hiện hữu.

c- Vật này khác vật kia trong cùng loài.

d- Cùng giống nhau.

Câu 144 : Chất liệu giới hạn ....

a- Yếu tính. **b- Hình thế.** c- Hiện hữu. d- Bản thể.

Câu 145 : Chất liệu là khả năng thuần túy để đón nhận...

a- Yếu tính. **b- Hiện thế.** c- Hiện hữu. d- Tiềm thế

Câu 146 : Một loài được tăng bội nhiều là nhờ

a- Yếu tính.

b**- Chất thể bản thể.**

c- Mô thể bản thể.

d- Hiện hữu.

Câu 147 : Mô thể bản thể qui định

a- Chất liệu đệ nhất.

b- Chất liệu đệ nhị.

c- Yếu tính.

d- Hiện hữu.

Câu 148 : Chất liệu đệ nhất là:

a- Tiềm năng hoạt động thuần túy

b- Tiềm năng thụ động thuần túy

c- Hiện thế thuần túy

d- Hiện thế đệ nhất

Câu 149- Con người và vật chất có chung

a- Mô thể bản thể.

b- Chất liệu đệ nhất.

c- Yếu tính.

d- Bản thể.

TIỀM THẾ và HIỆN THẾ

Câu 150 : Nguyên lý giải thích tính trường tồn và tính biến đổi là...

a- Bản chất và hiện hữu.

b- Hiện thế và tiềm thế.

c- Chất thể và mô thể.

d- Bản thể và phụ thể.

Câu 151 : Hiện thế là nguyên lý ....

a- Xác định. b- Bất định. c- Tổng quát. d- Cá biệt.

Câu 152 : Theo triết học Kinh viện:

a- Cả hai hoàn bị như nhau

b- Có khi tiềm năng hoàn bị hơn hiện thế của nó

c- Hiện thế hoàn bị hơn tiềm năng

d- Tiềm năng hoàn bị hơn hiện thế

Câu 153 : Linh hồn con người là hiện thế...

a- Thuần túy. c- Không thuần túy.

b- Bất tất. **d- Thiêng liêng.**

Câu 154 : Hiện thế thuần túy có nơi ....

a- Thiên thần. c- Cá vật.

b- Linh hồn và thân xác. **d- Thiên Chúa.**

Câu 155 : Hiện thế là

a- Khả năng đón nhận. c- a và b đúng.

b- Khả năng tác động. d- a và b sai.

Câu 156 : Hiện thế được định nghĩa là:

a- Nguyên lý phát xuất các phụ thể

b- Nguyên lý phát xuất các hành động

c- Hữu thể thực hữu

d- Bất cứ một hoàn bị nào của chủ thể

Câu 157 : Hiện thế ưu thắng hơn tiềm thế về ....

a- Tương quan với hoàn bị và tri thức.

b- Căn nguyên.

c- Thời gian.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 158 : Các hành động còn được gọi là:

a- Hiện thế đệ nhất c- Hiện thế bất toàn

b- Hiện thế đệ nhị d- Hiện thế hoàn bị

Câu 159 : Trí khôn chúng ta biết các sự vật và hiểu được căn tính của chúng nhờ:

a- Yếu tố cá vị hóa của chúng c- Bản chất của chúng

b- Hiện hữu của chúng **d- Hiện thế của chúng**

Câu 160 : Tiềm thế là nguyên lý....

a- Xác định. **b- Bất định.** c- Tổng quát. d- Cá vị.

Câu 161 : Tiềm thế là ...

a- Cái hoàn toàn vô định.

b- Hư vô.

c- Chưa hiện hữu nhưng hướng về hiện hữu.

d- Hữu thể tiềm tàng và không xuất hiện.

Câu 162 : Có hai loại tiềm năng là:

a- Tiềm năng thụ động và tiềm năng hành động

b- Tiềm năng hiện hữu và tiềm năng khả hữu

c- Tiềm năng hoàn bị và tiềm năng bất toàn

d- Tiềm năng đệ nhất và tiềm năng đệ nhị

Câu 163 : Con đường từ tiềm thế đến hiện thế là ...

a- Tiến hóa.

b- Biến hóa.

c- Chuyển động.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 164 : Để giải thích sự biến dịch bên trong và bên ngoài cần...

a- Hiện thể. b- Chất thể. **c- Tiềm thế.** d- Phụ thể.

Câu 165 : Tiềm thế là

a- Khả năng đón nhận.

b- Khả năng tác động.

c- a và b đúng.

d- a và b sai.

Câu 166 : Tiềm năng được định nghĩa là:

a- Khả năng để có một hoàn bị

b- Khả năng để hiện hữu tự lập

c- Nguồn phát xuất các hành động

d- Khả năng cáng đáng các phụ thể

Câu 167 : Thiên Chúa là đấng toàn năng, vậy toàn (khả) năng của Ngài là...

a- Tiềm thế tuyệt đối.

b- Khả năng thụ động tuyệt đối.

c- Khả năng hoạt động tuyệt đối.

d- Khả năng đón nhận.

Câu 168 : Nơi Thiên Chúa, yếu tính đồng hóa với hiện hữu nên:

a- Tiềm năng của ngài là tiềm năng hoạt động

b- Tiềm năng của ngài cũng là hiện thế thuần túy

c- Tiềm năng của ngài đồng hóa với hiện thế

d- Tất cả đều đúng.

Câu 169 : So với hiện hữu thì yếu tính là:

a- Một hoàn bị

b- Một hiện thế

c- Một tiềm năng

d- Tất cả đề đúng.

Câu 170 : So với hiện thế thì tiềm năng là:

a- Một hoàn bị

b- Một bất toàn

c- Một bất khả hữu

d- Một phụ thể

Câu 171: So với hình thế (mô thể) bản thể, thì chất liệu đệ nhất là:

a- Phụ thể

b- Bản thể

c- Tiềm năng

d- Hiện thế

Câu 172 : Hiện thế bị giới hạn bởi...

a- Chính nó

b- Vừa bởi chính nó, vừa bởi tiềm năng tiếp nhận nó

c- Tiềm năng tiếp nhận nó

d- Không bao giờ bị giới hạn

CÁC NGUYÊN LÝ

Câu 173 : "Một vật không thể vừa có vừa không trong cùng một lúc, dưới cùng một phương diện" là phát biểu của ....

a- Nguyên lý đồng nhất.

b- Nguyên lý bất mâu thuẫn.

c- Nguyên lý triệt tam.

d- Nguyên lý túc lý.

Câu 174 : Nguyên lý bất mâu thuẫn còn được phát biểu như sau...

a- Hữu thể tự mâu thuẫn với chính mình.

b- Không thể vừa khẳng định lại vừa phủ định một điều gì đó về cùng một chủ thể trong cùng một lúc và theo cùng một ý nghĩa.

c- Hoặc là có hoặc là không, không có trường hợp thứ ba.

d- a và b đúng.

Câu 175- Khi người ta sử dụng một từ để diễn tả một điều gì đó, là người ấy đã áp dụng nguyên lý bất mâu thuẫn. Đó là lập luận của:

a- Socrate **b- Aristote** c- Platon d- Parménide

Câu 176- Theo Aristote, ai phủ nhận nguyên lý bất mâu thuẫn thì đồng thời:

a- Thừa nhận đúng và sai không đồng nghĩa

b- Chấp nhận nguyên lý bất mâu thuẫn

c- Không chấp nhận nguyên lý bất mâu thuẫn

d- Câu a và b đúng

Câu 177- Chủ trương không có sự phân biệt giữa thiện và ác. Thiện và ác là do con người gán cho chúng. Đó là chủ trương:

a- Tất cả điều đúng

b- Phù hợp với nguyên lý đồng nhất

c- Phù hợp với nguyên lý bất mâu thuẫn

d- Ngược lại với nguyên lý bất mâu thuẫn

Câu 178- Từ nguyên lý bất mâu thuẫn ta có thể khẳng định:

a- Hữu thể thì không tự mâu thuẫn với chính mình

b- Hữu thể thì tự mâu thuẫn với chính mình

c- Không thể có hữu thể

d- Câu a và b đúng

Câu 179- Nguyên lý bất mâu thuẫn:

a- Không thể chứng minh bởi nguyên lý phổ quát hơn nó

b- Có thể chứng minh bởi một nguyên lý phổ quát hơn

c- Không thể chứng minh và không cần chứng minh

d- Câu a và c đúng

Câu 180- Theo triết học Kinh viện, ai chối bỏ nguyên lý bất mâu thuẫn thì đồng thời cũng:

a- Nhìn nhận bản chất bền vững của sự vật

b- Phủ nhận bản chất bền vững của sự vật

c- Đặt nền tảng chân lý trên sự vật

d- Câu b và c đúng

Câu 181- Nguyên lý bất mâu thuẫn là hình thức của...

a- Nguyên lý toàn thiện

b- Nguyên lý đồng nhất

c- Nguyên lý cứu cánh

d- Nguyên lý đơn nhất

Câu 182 : Nguyên lý đồng nhất được phát biểu là

a- A là A.

b- A hoặc là A hoặc là không A, không có trường hợp thứ ba.

c- A không phải là A.

d- Tất cả đều sai.

Câu 183- "Bất cứ điều gì có cũng là chính là nó ". Đây là phát biểu của nguyên lý:

a- Bất mâu thuẫn

b- Đồng nhất

c- Khử tam

d- Cứu cánh

Câu 184- Nguyên lý đệ nhất là...

a- Nhân quả, đồng nhất, cứu cánh, túc lý

b- Duy nhất, toàn thiện, đồng nhất, cứu cánh

c- Túc lý, cứu cánh, nhân quả, toàn thiện

d- Toàn thiện, duy nhất, nhân quả, túc lý

Câu 185 : Nguyên lý triệt (khử) tam được phát biểu là

a- A là A.

b- A là không A.

c- A hoặc là A hoặc là không A, không có trường hợp thứ ba.

d- a và b đúng.

Câu 186: Không có trung gian giữa khẳng định và phủ định. Đó là phát biểi của nguyên lý:

a- Bất mâu thuẫn

b- Khử tam

c- nhân quả

d- đồng nhất

Câu 187- Nguyên lý túc lý liên quan tới chân lý

a- Phạm trù. **b- Siêu việt.** c- Luận lý. d- Hỗ tương.

Câu 188- Nguyên lý túc lý liên quan tới chân lý

a- Thực tại b- Siêu việt. c- Luận lý. d- Đạo đức

Câu 189- Nguyên lý luận lý áp dụng cho:

a- Thực tại b- Hành động c- Lời nói **d- Tư tưởng**

Câu 190- Nguyên lý của các hành động được gọi là:

a- Tiềm năng hoạt động

b- Bản tính (natura)

c- Năng lực

d- Tất cả đều đúng

Câu 191- Nguyên lý túc lý liên quan tới chân lý

a- Thực tại b- Siêu việt. c- Luận lý. d- Đạo đức

CÁC SIÊU NGHIỆM CỦA HỮU THỂ

Câu 192 : Siêu nghiệm (việt) là

a- Đặc điểm riêng trong từng hữu thể.

b- Đặc điểm chung cho một loài.

c- Đặc điểm chung cho mọi hữu thể.

d- Tất cả đều sai.

Câu 193 : Siêu việt có nghĩa thông thường là:

a- Cao siêu, vượt bậc

b- Siêu nghiệm

c- Chỉ điều kiện tiên thiên của tri thức

d- Chỉ thuộc tính của hữu thể

Câu 194 : Siêu việt phẩm trong thực tại là...

a- Đặc tính tự thân của hữu thể

b- Đặc tính từ ngoài vào hữu thể

c- Đồng nhất với hữu thể

d- Không đồng nhất với hữu thể

Câu 195: Tính phổ quát của hữu thể được triết học kinh viện gọi là

a- Tính siêu nghiệm.

b- Tính thực nghiệm.

c- Tính thường nghiệm.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 196: Có mấy loại siêu nghiệm chính (đặc điểm chính) của hữu thể

a- 2 loại. **c- 4 loại (chân thật, thiện hảo, đơn nhất, đẹp)**

b- 3 loại. d- 5 loại.

Câu 197 : Có mấy loại siêu việt phẩm?

a- 3 loại. b- 4 loại. c- 5 loại **d- 6 loại.**

Câu 198 : Theo thánh Tôma, có mấy loại siêu việt phẩm?

a- 2 loại. b- 3 loại. **c- 4 loại** d- Cả ba đều sai

Câu 199 : Các siêu nghiệm chính gồm ....

a- Đồng nhất, ngay chính, thiện hảo.

b- Hữu ích, chân thực, duy nhất.

c- Đơn nhất, chân thật, thiện hảo.

d- Đơn nhất, hữu ích, thích thú.

Câu 200: Theo thánh Tôma, các siêu nghiệm của hữu thể gồm...

a- Đơn nhất, đa phức, yếu tính, hiện hữu, bản thể.

b- Chất thể, mô thể, yếu tính, bản thể, hiện hữu.

c- Đơn nhất, hiện hữu, yếu tính, sự vật, cái gì.

d- Cái gì, sự vật, đơn nhất, chân thật, thiện hảo.

Câu 201 : Siêu việt phẩm và hữu thể có thể thay thế cho nhau:

a- Trong vũ trụ **c- Trong thực tại**

b- Trong trường hợp cụ thể d- Trong trí khôn

Câu 202 : Sự phân biệt các siêu việt phẩm chỉ có trong:

a- Cả hai đúng **c- Trí khôn**

b- Cả hai sai d- Cho trí khôn

Câu 203: Thời thánh Tôma, người ta phân biệt siêu việt phẩm chính của hữu thể là:

a- Hữu ích, duy nhất, thích thú

b- Hữu ích, duy nhất, chân thực

c- Thiện hảo, duy nhất, chân thực

d- Thiện hảo, đồng nhất, ngay chính

ĐƠN NHẤT (NHẤT TÍNH)

Câu 204 : Đơn nhất là ...

a- Sự không phân chia trong nội tại của một hữu thể.

b- Sự phân chia trong nội tại của một hữu thể.

c- a và b đúng.

d- a và b sai.

Câu 205 : Yếu tố đem lại tính đơn nhất cho yếu tính là:

a- Chất liệu b- Bản tính c- Hiện hữu **d- Hình thế**

Câu 206 : Tính đơn nhất đặt nền tảng trên ....

a- Bản chất b- Phụ thể **c- Hiện hữu** d- Tiềm thế.

Câu 207 : Đơn nhất (Nhất tính) có trong ....

a- Thiên Chúa

b- Đơn thể.

c- Hợp thể.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 208 : Ý niệm nhất tính (đơn nhất) là ý niệm:

a- Loại suy b- Thật tế **c- Chung** d- Cả ba đều sai

Câu 209 : Thiên Chúa là ...

a- Đơn nhất đơn thuần.

b- Đơn nhất phức hợp.

c- Đơn nhất giữa chất thể và mô thể.

d- Đơn nhất giữa bản thể và phụ thể.

Câu 210 : Đơn nhất tùy phương là

a- Nhiều bản thể cộng lại.

b- Làm nên một bản thể.

c- Làm nên một phụ thể.

d- Tất cả đều sai.

Câu 211 : Đơn nhất nguyên thường là ....

a- Nhiều bản thể cộng lại.

b- Làm nên một bản thể.

c- Làm nên một yếu tính.

d- b và c đúng.

Câu 212 : Đa bội là

a- Sự tổng hợp của mỗi cá thể.

b- Sự tổng hợp của mỗi phụ thể.

c- Sự tổng hợp của mỗi yếu tính

d- Tất cả đều đúng.

Câu 213 : Đa bội dựa trên....

a- Yếu tính. b- Hiện hữu. c- Bản thể. **d- Đơn nhất.**

CHÂN LÝ

Câu 214 : Theo SHH , có 3 loại chân lý là....

a- Luân lý, đạo đức, luận lý.

b- Luân lý, đạo đức, thực thể luận.

c- Luân lý, hiện hữu, thực thể luận (siêu hình)

d- Luân lý, luận lý, thực thể luận.

Câu 215 : Khi nói sự phù hợp của lý trí (trí năng) con người với thực tại (hữu thể) thì đó là

a- Chân lý luân lý.

b- Chân lý luận lý.

c- Chân lý thực thể luận.

d- Chân lý đồng nhất.

Câu 216 : Khi nói sự phù hợp của thực tại với lý trí sáng tạo ra nó thì đó là

a- Chân lý luận lý.

b- Chân lý luân lý.

c- Chân lý thực thể luận.

d- Chân lý đồng nhất.

Câu 217 : Khi nói sự phù hợp của lời nói với điều mình suy nghĩ thì đó là

a- Chân lý luân lý (đạo đức)

b- Chân lý luận lý.

c- Chân lý thực thể luận.

d- Chân lý đồng nhất.

Câu 218: Yếu tố nền tảng của chân lý luận lý là

a- Thực tại.

b- Lý trí con người.

c- Lý trí sáng tạo.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 219 : Yếu tố nền tảng của chân lý thực thể luận là

a - Thực tại.

b- Lý trí sáng tạo.

c- Lý trí con người.

d- Tất cả đều sai.

Câu 220- Theo triết học Kinh viện...

a- Có một chân lý tuyệt đối và tự nó hiển minh

b- Không có chân lý tuyệt đối

c- Không thể biết được chân lý tuyệt đối

d- Câu b và c đúng

THIỆN HẢO – ÁC - ĐẸP

Câu 221 : Thiện hảo theo SHH (Hữu thể học) là

a- Cái mà nó phù hợp với thực tại.

b- Cái mà mọi vật ước muốn.

c- Cái mà ta có thể khả tri.

d- Cái mà ta không thể khả tri.

Câu 222 : Thiện hảo của vật là

a- Hiện hữu phù hợp với phụ thể của nó.

b- Hiện hữu phù hợp với bản chất của nó.

c- Hiện hữu phù hợp với hành động của nó.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 223 : Sự thiện gồm có:

a- Hữu ích, thích thú, chính lý

b- Chân thực, chính đáng, hữu ích

c- Hữu ích, thiện hảo, chân thật

d- Tất cả đều đúng

Câu 224 : Có mấy loại thiện hảo ....

a- 2 **b- 3** c- 4 d- 5

Câu 225 : Nơi thiên Chúa, thiện hảo thì

a- Tuyệt đối. c- Thông ban

b- Tùy phương **d- a và c đúng. (cả 3 đều đúng)**

Câu 226 : Nơi thụ tạo, thiện hảo thì

a- Tuyệt đối. c- Thông ban.

b- Tùy phương. d- Tất cả đều sai.

Câu 227 : Bất cứ điều gì hiện hữu thì có

a- Tội lỗi. b- Chất thể. c- Phụ thể. **d- Thiện hảo.**

Câu 228 : Các cấp độ thiện hảo là

a- Hiện hữu, nguyên nhân, mục đích.

b- Hiện hữu, thông ban, nguyên nhân.

c- Hiện hữu, thông ban, mục đích.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 229 : Điều tốt lành lớn lao hơn có thể là:

a- Các câu đều đúng

b- Sự phù hợp của một vũ trụ đa tạp

c- Sự tùy thuộc của những vật cấp cao đối với những vật cấp thấp

d- Sự kiện toàn của những vật có tự do

Câu 230 : Tội lỗi là

a- Thiếu cái cần phải có nơi bản chất.

b- Thiếu bản thể.

c- Thiếu phụ thể

d- Thiếu hành động.

Câu 231 : Sự xấu theo triết học thánh Tôma chỉ có một nguyên nhân là:

a- Mục đích

b- Tác thành

c- Không nằm trong bản tính sự vật

d- Dụng cụ

Câu 232 : Ác chất thể là

a- Chủ thể mang cái xấu

b- Chủ thể không mang cái xấu.

c- Yếu tố làm cho chủ thể nên xấu.

d- Yếu tố không làm cho chủ thể nên xấu.

Câu 233 : Ác mô thể là

a- Chủ thể mang cái xấu.

b- Chủ thể không mang cái xấu.

c- Yếu tố làm cho chủ thể nên xấu.

d- Yếu tố không làm cho chủ thể nên xấu.

Câu 234 : Ác tự thân là

a- Không xấu không tốt.

b- Tự nó là ác.

c- Vừa tốt vừa xấu.

d- Tất cả đầu đúng.

Câu 235: Ác ngẫu trừ là

a- Không tốt không xấu.

b- Tự nó là ác.

c- Vừa tốt vừa xấu.

d- Tất cả đều sai.

Câu 236 : Cái đẹp đáp ứng

a- Sự lợi ích.

b- Sự chiêm ngưỡng.

c- a và b đúng.

d- a và b sai.

Câu 237 : Cái đẹp là đặc tính riêng của

a- Loài thụ tạo.

b- Thiên thần.

c- Con người.

d- a và b đúng.

NGUYÊN NHÂN

Câu 238 : Phân tích nguyên nhân ta thấy những yếu tố:

a- Hậu quả lệ thuộc nguyên nhân

b- Nguyên nhân phân biệt thực sự với hậu quả

c- Nguyên nhân có ưu điểm

d- Tất cả đều đúng

Câu 239 : Nguyên nhân là cái mà:

a- Một vật khác lệ thuộc vào

b- Là cái làm cho cái khác hiện hữu

c- Bởi đó phát sinh một cái khác

d- **Tất cả đều đúng**

Câu 240 : Công thức tổng quát của nguyên lý nguyên nhân là:

a- Vật bất tất là vật không hiện hữu các tất yếu

b- Mọi vật bất tất đều có một nguyên nhân

c- Tất cả những gì hiện hữu mà không do tự mình thì hiện hữu bởi một vật khác

d- Tất cả điều đúng

NGUYÊN NHÂN MÔ THỂ

Câu 241 : Có thể có một nguyên nhân mô thể ngoại trú không?

a- Có

b- Vừa có vừa không

c- Sai

d- Không

Câu 242 : Nguyên nhân mô thể là:

a- Nguyên nhân mô phạm hay kiểu mẫu

b- Cái nhờ đó mọi vật có được một chân chính, tức là 1 sự đồng nhất, 1 căn cước mới

c- Hiện thế nội tại xác định nguyên nhân chất thể vào một loại nhất định

d- Cái làm cho một vật là nó chứ không là vật khác

Câu 243 : Nguyên nhân mô thể là:

a- Điều kiện để xảy ra một trắc trở

b- Điều kiện để nguyên nhân tiến hành

c- Cái làm cho nguyên nhân xuất hiện

d- Điều kiện để chuẩn bị nguyên nhân

Câu 244 : Nguyên nhân mô thể có nguyên lý là:

a- Biến dịch b- Phân tán c- Nhân tăng **d- Đơn nhất**

Câu 245 : Nguyên nhân mô thể là:

a- Nguyên nhân tác thành

b- Cái sinh ra cái khác

c- Nguyên lý biến dịch và nhân tăng

d- Nguyên lý xác định nội tại của thực tại

Câu 246 : Vai trò của nguyên nhân mô thể là:

a- Tác động lên nguyên nhân chất thể

b- Thông truyền một hiện thế

c- Đón nhận và duy trì mô thể

d- Chịu đựng sự biến dịch

Câu 247 : Vai trò của nguyên nhân chất thể là:

a- Là chịu biến dịch và duy trì mô thể

b- Là nguyên do của yếu tính của một vật

c- Việc thông truyền một hiện thế

d- Tất cả đều đúng.

CÁC NGUYÊN NHÂN CHÍNH CỦA HỮU THỂ

Câu 248 : Nguyên nhân chính là nguyên nhân

a- Làm nên bản thể

b- Làm nên phụ thể.

c- Làm nên hành động

d- Làm cho vật hiện hữu.

Câu 249 : Nguyên nhân nội gồm

a- Chất thể (chất liệu) và mô thể (hình thế).

b- Tiềm năng và hiện thế.

c- Bản thể và phụ thể

c- Tác thành và mục đích

Câu 250 : Nguyên nhân ngoại gồm

a- Chất liệu và hình thế.

b- Tiềm thế và hiện thế.

c- Bản thể và phụ thể.

d- Tác thành và mục đích

Câu 251 : Các nguyên nhân làm nên yếu tính gồm

a- Chất thể, bản thể, mô thể, tác thành.

b- Chất thể, mô thể, tác thành, mục đích.

c- Tác thành, mục đích, mô thể, bản thể.

d- Mục đích, mô thể, chất thể, bản thể.

NGUYÊN NHÂN TÁC THÀNH

Câu 252- Nguyên nhân tác thành là

a- Đưa một vật từ mô thể sang chất thể.

b- Đưa một vật từ bản thể sang phụ thể.

c- Đưa một vật từ tiềm thế sang hiện thế.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 253 : Nguyên nhân tác thành là:

a- Nguyên nhân mô phạm hay kiểu mẫu

b- Nguyên lý biến dịch và nhân tăng

c- Cái sinh ra cái khác

d- Nguyên nhân nội tại

Câu 254 : Nguyên nhân tác thành còn là

a- Nguyên nhân chất thể.

b- Nguyên nhân mô thể.

c- Nguyên nhân dụng cụ phục vụ cho nguyên nhân tác thành chính.

d- Tất cả đều sai.

Câu 255 : Nguyên nhân kiểu mẫu gắn liền cách mật thiết là:

a- Nguyên nhân mô thể **c- Nguyên nhân tác thành**

b- Nguyên nhân chất thể d- Nguyên nhân mục đích

Câu 256 : Đặc điểm của nguyên nhân tác thành gồm

a- Một nguyên lý ở bên ngoài hiệu quả.

b- Chia sẻ hoàn bị của tác nhân cho hiệu quả.

c- Mô hình gương mẫu.

d- Tất cả đều đúng.

Câu 257 : Những loại căn nguyên tác thành gồm căn nguyên

a- Toàn phần và một phần, phổ quát và đặc thù.

b- Đơn nghĩa và loại suy, chính và dụng cụ.

c- Khẩn thiết và bất tất, tất định và tự do.

d- Gồm a,b và c.

Câu 258 : Đâu là nguyên nhân tác thành của sự xấu?

a- Con người b- Thiên Chúa **c- Bất toàn** d- Nội tại

NGUYÊN NHÂN CỨU CÁNH (MỤC ĐÍCH)

Câu 259 : Nguyên nhân cứu cánh là

a- Điều mà vì nó một điều gì khác không xảy ra.

b - Điều mà vì nó một điều gì khác xảy ra.

c - Điều làm biến đổi yếu tính.

d- Điều làm biến đổi hiện hữu.

Câu 260 : Đặc điểm của nguyên nhân cứu cánh gồm

a- Tác động bằng cách thu hút.

b- Lôi cuốn theo mức độ nó là một điều gì thiện hảo.

c- Nguyên lý tạo hiệu quả đích thực.

d- Gồm a,b, c.

Câu 261 : Theo thánh Tôma, mọi hoạt động đều có

a- Yếu tính.

b- Hiện hữu

c- Mục đích (nguyên nhân)

d- Bản tính.

Câu 262 : Mục đích là

a- Sau cùng trong hành động

b- Đầu tiên trong ý hướng.

c- Gồm a, b.

d- Tất cả đều sai.

Câu 263 : Mục đích được phân chia thành:

a- Mục đích chính và mục đích phụ

b- Mục đích gần và mục đích cuối cùng

c- Mục đích của tác nhân và mục đích của hành động

d- Tất cả đều đúng.

Câu 264 : Nguyên nhân cứu cánh là nguyên nhân chính trong 4 nguyên nhân vì nó khiến

a- Tác nhân tạo ra hiệu quả.

b- Chất liệu thành nguyên nhân chất liệu.

c- Hình thế thành nguyên nhân hình thế

d- Gồm a,b,c.

Câu 265 : Cứu cánh có tác dụng như:

a- Nguyên nhân

b- Nguyên nhân tác thành

c- Nguyên nhân ngoại tại

d- Nguyên nhân nội tại

CÁC CÂU KHÔNG CÓ CHỦ ĐỀ

Câu 266 : Khoa học có thể trả lời cho những vấn đề:

a- Bản chất của sự vật

b- Giá trị của nhân đức

c- Cả hai đều sai

d- Cả hai đều đúng

Câu 267 : Định nghĩa:

a- Những vật thay đổi đều thay đổi do một vật khác

b- Hoạt động đi theo hiện hữu

c- Tác nhân tác tạo ra cái giống với mình

d- Tất cả đều đúng

Câu 268 : Mọi vật ước muốn sự hữu nhằm:

a- Gia tăng sự hữu
b- Bảo tồn sự hữu
c- Thông chia sự hữu
d- Tất cả đều đúng

Câu 269 : Cơ hội là:

a- Điều kiện để xảy ra một trắc trở
b- Điều kiện để nguyên nhân tiến hành
c- Cái làm cho nguyên nhân xuất hiện
d- Điều kiện để chuẩn bị nguyên nhân

Câu 270 : Điều kiện là:

a- Cơ hội
b- Cái sinh ra hậu quả
c- Cái làm cho nguyên nhân xuất hiện
d- Tham dự vào việc sinh ra hiệu quả cách gián tiếp

Câu 271 : Ngẫu nhiên là:

a- Hậu quả
b- Một thứ mục đích
c- Một thứ nguyên nhân
d- Nguyên nhân mà hậu quả của nó xuất hiện sự gặp gỡ tình cờ của hai chuỗi nguyên nhân độc lập

Câu 272 : Phương pháp thực nghiệm có yếu tố nào?

a- Giả thuyết về giải thích
b- Quan sát
c- Kiểm chứng bằng thí nghiệm
d- Cả ba đều đúng

Câu 273 : Khi định nghĩa một vật, ta đặt nó trong:

a- Giống
b- Loại
c- Cả hai đúng
d- Cả hai sai

Câu 274 : Linh hồn con người:

a- Tồn tại một mình
b- Bản thể không trọn vẹn
c- Bản thể thiêng liêng
d- Tất cả đều đúng

Câu 275 : Theo Thales, thực tại căn bản của vạn vật là:

a- Khí
b- Lửa
c- Nước
d- Đất

Câu 276 : Lửa là thực tại căn bản của vạn vật theo:

a- Pythagore
b- Parmenide
c- Anaximene
d- Heraclit

Câu 277 : Theo Heraclit, mọi sự:

a- Đều hiện hữu và không có gì thay đổi
b- Vừa hiện hữu vừa thay đổi
c- Đều hiện hữu và không thay đổi
d- Đều thay đổi, và không có gì hiện hữu

Câu 278 : Theo Platon, thực tại căn bản của vạn vật là:

a- Biến dịch
b- Số lượng
c- Hữu thể duy nhất và bất biến
d- Ý tưởng và thực tại

Câu 279 : Theo Aristote, thực tại căn bản của vạn vật là:

a- Bản thể
b- Yếu tính
c- Mô thể
d- Chất thể

Câu 280 : Theo Aristote, loại hữu thể nào sau đây có từ muôn đời?

a- Chất thể của vật thể dưới thế
b- Các thiên thể
c- Các bản thể vô chất, bất biến, biệt lập với thế giới khả giác
d- Cả ba đều đúng

Câu 281 : Thực tại căn bản của vạn vật là trí tuệ tự tại vô chất và vĩnh cửu theo:

a- Democrite
b- Parmenite
c- Pythagore
d- Anaxagore

Câu 282 : Chủ nghĩa nguyên tử được sáng lập do:

a- Pythagore và Parmenite
b- Démocrite và Parmenite
c- Leucipe và Pythagore
d- Leucipe và Démocrite

Câu 283: Theo thánh Tôma, mọi tri thức con người đều bắt nguồn từ:

a- Lý trí
b- Mạc khải
c- Câu a và b đúng
d- Giác quan

Câu 284 : Người ta phân biệt hai loại hợp nhất...

a- Siêu hình và vật lý
b- Vật lý và toán học
c- Siêu hình và toán học
d- Tất cả đều đúng.

Câu 285 : Loại suy quy thuộc là loại suy:

a- Tỉ lệ đích thực

b- Tỉ lệ hình bóng

c- Tỉ lệ tương quan

d- Tất cả đều sai.

Câu 286 : Từ tùy phương (secundum quid) trong triết học Kinh viện có nghĩa là:

a- Theo mọi phương diện

b- Không theo phương diện nào

c- Tùy phương diện, và đồng nghĩa với nguyên thường (per se)

d- Tùy phương diện, và trái nghĩa với nguyên thường (perse)

Câu 287 : Lập luận cho rằng Thiên Chúa là một hữu thể mà không thể tưởng tượng một hữu thể nào cao hơn được nữa. Chỉ cần chấp nhận một định nghĩa như thế là phải nhìn nhận sự hiện hữu của một hữu thể như thế, ít là trong ý tưởng, "trong lý trí". Nhưng nếu một hữu thể như thế chỉ hiện hữu trong lý trí, thì chưa phải là Toàn hảo, vì người ta có thể nghĩ ra một hữu thể lớn hơn nữa. Tức là một hữu thể không những hiện hữu trong lý trí nhưng còn hiện hữu trong thực tại nữa. Hữu thể đó chính là Thiên Chúa. Đây là luận chứng của:

a- Aristote b- Thánh Tôma c- Kant **d- Anselmo**

Câu 288 : Luật tự nhiên là luật:

a- Xảy ra do tình cờ

b- Do con người đặt ra

c- Do Giáo hội đặt ra

d- Được khắc ghi trong bản tính sự vật

Câu 289 : Trật tự khả tri theo Descartes là:

a- Thiên Chúa, vũ trụ, chủ thể suy tư

b- Thiên Chúa, chủ thể suy tư, vũ trụ

c- Chủ thể suy tư, vũ trụ, Thiên Chúa

d- Chủ thể suy tư, Thiên Chúa, vũ trụ